

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NQ
TỈNH NB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2021/HS-ST

Ngày: 18 - 6 - 2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NQ - TỈNH NB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Công Nguyên.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên tòa: Bùi Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NQ, tỉnh NB.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NQ, tỉnh NB tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NQ, tỉnh NB mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2021/TLST- HS ngày 13/5/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST - HS ngày 04/6/2021 đối với các bị cáo:

1. Tổng Văn K (tên gọi khác: Không) – sinh năm 1957 tại xã PL, huyện NQ, tỉnh NB. Nơi cư trú: Thôn CR, xã PL, huyện NQ, tỉnh NB; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 5/10. Con ông: Tổng Văn K và bà Tổng Thị Tr (đều đã chết); Vợ: Phạm Thị Y, sinh năm 1957, con: có 3 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1989; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Tổng Văn Th (tên gọi khác: Không) – sinh năm 1963 tại xã PL, huyện NQ, tỉnh NB. Nơi cư trú: Thôn CR, xã PL, huyện NQ, tỉnh NB; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/10. Con ông: Tổng Văn K và bà Tổng Thị Tr (đều đã chết); Vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1965, con: có 5 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị hại: Ông Trương Văn T, sinh năm 1967. (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn CR, xã PL, huyện NQ, tỉnh NB.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trương Anh T, sinh năm 1988. (có mặt).
- Chị Lê Thị H, sinh năm 1984. (có mặt).

Đều cư trú: Thôn CR, xã PL, huyện NQ, tỉnh NB.

5. Những người làm chứng:

- Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1969. (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã PL, huyện NQ, tỉnh NB

- Ông Lê T C, sinh năm 1970. (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn CR, xã PL, huyện NQ, tỉnh NB.

- Quách Trọng Q, sinh năm 1988. (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn 1, xã PL, huyện NQ, tỉnh NB.

- Chị Tống Thị L, sinh năm 1989. (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn 1, xã PL, huyện NQ, tỉnh NB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước giữa ông Trương Văn T sinh năm 1967 tại thôn CR, xã PL, huyện NQ với Tống Văn K, Tống Văn Th ở cùng thôn trong việc gia đình ông T xây dựng nhà ở. Tống Văn K, Tống Văn Th cho rằng gia đình ông T xây nhà đã xây lấn ra đường đi chung của mọi người trong đó có gia đình K, Th do đó giữa K, Th và ông T thường xuyên cãi chửi nhau. Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 28/12/2020, trong quá trình ông T đang chỉ đạo ông Quang và ông Cảnh là thợ thi công ốp đá phần móng nhà thì Tống Văn K điều khiển xe mô tô đi từ nhà để đi chợ. Khi đi đến vị trí của nhóm thợ đang thi công thì Tống Văn K dừng xe mô tô lại rồi đi bộ đến xô đẩy ông Quang và ông Cảnh không cho thi công. Lúc này ông Trương Văn T thấy vậy liền đến sử dụng tay kéo, đẩy K và cãi chửi nhau với K. Tại thời điểm trên thì Tống Văn Th (*là em trai của K*) đứng trước cổng nhà mình nhìn thấy K và ông T xô sát cãi chửi nhau. Th liền gọi anh Quách Trọng Q sinh năm 1988 là con rể cùng vợ là chị Tống Thị L, sinh năm 1989 là con gái K “*Con L, thằng Q đâu chúng nó đang đánh bố mày kìa*”. Ngay lập tức Tống Văn Th đã chạy ra vườn nhà Th lấy 01 đoạn gậy kim loại một đầu có gắn lưỡi dao mũi nhọn có tổng chiều dài 194cm, cầm trên tay vừa chạy về phía K vừa hô hoán “*Q đâu mang dao ra*”.

Sau khi cãi chửi nhau xô sát xong thì ông T đi vào sảnh trước nhà mình còn K bực tức đi về để tìm hung khí quay lại đánh ông T. Khi đi về một đoạn

gặp Th đang cầm 01 đoạn gậy kim loại một đầu có gắn lưỡi dao mũi nhọn chạy đến thì K cầm 01 đoạn gậy kim loại một đầu có gắn lưỡi dao mũi nhọn mà Th đang cầm trên tay. Lúc này Th hỏi K “*Để làm gì*” thì K nói “*Nó đánh tao*”. Th hiểu ý K muốn lấy 01 đoạn gậy kim loại một đầu có gắn lưỡi dao mũi nhọn của mình để đánh nhau với ông T nên Th đã đưa cho K đồng thời Th chạy quay lại về nhà K lấy 01 dao kim loại tự chế dài 85cm cầm chạy đến nhà ông T.

Khi cầm đoạn gậy kim loại một đầu có gắn lưỡi dao mũi nhọn do Th đưa, Tổng Văn K chạy quay lại xông vào sảnh nhà ông T. Thấy ông T đang đứng ở sảnh thì K đã cầm đoạn gậy kim loại một đầu có gắn lưỡi dao mũi nhọn có tổng chiều dài 194cm (*phần lưỡi dao kim loại dài 19,5cm, phần rộng nhất 3,9cm*) đâm 01 nhát vào vùng ngực (*dưới hõm ực*) của ông T. Khi bị K đâm thì ông T đã túm được đoạn gậy và giằng co với K rồi cả hai bị ngã xuống nền sảnh nhà ông T. Lúc này con trai ông T là anh Trương Văn T ở trong nhà chạy ra can ngăn và dùng tay đấm vào mặt K. Tổng Văn Th cầm dao chạy đến thấy ông T và anh T đang ôm K. Th giơ dao lên với mục đích dọa để ông T và anh T thả K ra thì lúc này anh Quách Trọng Q cùng chị Tổng Thị L đến can ngăn nên hai bên dừng xô sát, K và Th cầm gậy và dao đi về nhà.

Hậu quả: Ông Trương Văn T bị thương “*Chấn thương sọ não chấn động não, vết thương phần mềm vùng ngực*” điều trị tại Bệnh viện quân y 5, tỉnh NB từ ngày 28/12/2020 đến ngày 08/01/2021 thì ra viện. Tổng Văn K bị thương “*Chấn động não*” điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh NB từ ngày 28/12/2020 đến 29/12/2020 thì ra viện.

Công an xã PL, huyện NQ đã tiến hành trích xuất đoạn video Camera an ninh nhà Tổng Văn K ghi lại hình ảnh có liên quan đến diễn biến vụ việc vào 01 USB nhãn hiệu Kington dung lượng 02GB được niêm phong vào phong bì theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời đã thu giữ của Tổng Văn K 01 đoạn gậy kim loại một đầu có gắn lưỡi dao mũi nhọn có tổng chiều dài là 194cm, tại bản mặt ngoài phần đầu mũi dao kim loại bám dính dị vật màu trắng diện KT (2,5 x 2)cm; phần đầu bản dao kim loại có bám dị vật màu nâu đỏ đã khô trên diện KT (6 x 3,5)cm. Thu giữ của Tổng Văn Th 01 dao kim loại tự chế dạng dao quắm dài 85cm. Công an xã PL đã chuyển hồ sơ tài liệu cùng vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NQ để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện NQ đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với dị vật màu nâu đỏ đã khô bám dính trên lưỡi dao thu giữ của K, ký hiệu M và mẫu máu của ông Trương Văn T, ký hiệu A. Tại bản kết luận giám định số 124/KLGD-PC09-SH ngày 15/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh NB kết luận: “*Chất dị vật màu nâu đỏ bám dính trên*

mẫu cần giám định ký hiệu M là máu người, thuộc nhóm máu O, trùng với nhóm máu của ông Trương Văn T”.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 009/2021/ThT-GDPY ngày 29/01/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh NB đối với ông Trương Văn T kết luận:

- “1. Dấu hiệu chính qua giám định: Chấn động não điều trị ổn định, 02 sẹo vết thương dưới hõm ức;*
- 2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 08%.*
- 3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích: Sẹo vết thương do vật sắc trực tiếp gây nên”.*

Ngày 02/02/2021, ông Trương Văn T đã có đơn đề nghị khởi tố hình sự đối với Tống Văn K và Tống Văn Th để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa ông T thừa nhận các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho ông là 20 triệu đồng, ông tiếp tục đề nghị các bị cáo phải bồi thường phần trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 51/CT - VKSNQ ngày 13/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NQ đã truy tố Tống Văn K và Tống Văn Th về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Đề nghị áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s, x Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Tống Văn K từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Đề nghị áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Tống Văn Th từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao các bị cáo cho UBND xã PL, huyện NQ và gia đình các bị cáo có trách nhiệm giám sát bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 590 và Điều 305, 468 Bộ luật dân sự buộc 2 bị cáo phải bồi thường cho ông Trương Văn T tổng số tiền thiệt hại sức khỏe từ 22.153.044^d đến 25.153.044^d Đã bồi thường 20 triệu đồng, còn phải bồi thường tiếp cho ông T số tiền từ 2.153.044^d đến 5.153.044^d.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây kim loại một đầu có gắn lưỡi dao tổng chiều dài 194 cm, 01 dao kim loại tự chế dạng dao quắm dài 85

cm. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Th phải chịu theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho bị cáo K.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NQ.

Ông Trương Văn T đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của hai bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện NQ, Viện kiểm sát nhân dân huyện NQ, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay cả hai bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện NQ đã truy tố, thể hiện: Do mâu thuẫn cá nhân từ trước giữa Tổng Văn K, Tổng Văn Th và ông Trương Văn T đều trú tại thôn CR, xã PL, huyện NQ trong việc gia đình ông T xây dựng nhà ở nên hai bên thường xuyên cãi chửi nhau. Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 28/12/2020, tại khu vực đường thôn cạnh nhà ông T. Tổng Văn K xô sát, cãi chửi nhau với ông T nên Tổng Văn Th đã lấy 01 đoạn gậy kim loại một đầu có gắn lưỡi dao mũi nhọn tại vườn của nhà mình chạy đến đưa cho Tổng Văn K. Sau khi nhận được hung khí từ Th đưa thì K đã quay lại xông vào sảnh nhà ông T. Tổng Văn K đã cầm đoạn gậy kim loại một đầu có gắn lưỡi dao mũi nhọn có tổng chiều dài 194cm *phần lưỡi dao kim loại dài 19,5cm*, đâm 01 nhát vào vùng ngực (*dưới hõm ực*) của ông T “*Vết thương phần mềm vùng ngực*” làm ông T bị thương giảm 08% sức khỏe. Hành vi nêu trên của Tổng Văn K và Tổng Văn T đã cấu thành tội Cố ý gây thương tích, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện NQ truy tố bị cáo ra trước tòa án nhân dân huyện NQ để xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe là một trong những quyền cơ bản của con người được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, mà còn làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý bất bình cho

người bị hại cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

Trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, phân hóa vai trò đối với bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, Tổng Văn K là người trực tiếp cầm hung khí đâm gây thương tích cho ông T, do vậy K giữ vai trò đầu trong vụ án, Th giữ vai trò đồng phạm giúp sức.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Bộ luật hình sự. Bị cáo K còn là người có công với cách mạng được áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Th có thời gian phục vụ trong quân ngũ được áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Tình tiết tăng nặng: Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy cả hai bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định. Do vậy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục cũng đủ để cải tạo các bị cáo sống có ích cho gia đình và trách nhiệm với xã hội.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại do xâm phạm sức khỏe theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng, thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự bao gồm, chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút của người bị thiệt hại và của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị, chi phí bồi thường tổn thất về tinh thần để buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông T. Như vậy, chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, điều trị cho ông T theo bệnh án điều trị từ ngày 28/12/2020 đến ngày 08/01/2021 thì ra viện, tổng số ngày điều trị là 12 ngày.

Chi phí điều trị theo bảng kê T toán viện phí là: 8.291.444^d; Chi phí điều trị phát sinh thực tế theo yêu cầu 2.121.600^d; Chi phí thuê xe vận chuyển 2 lượt đi từ nhà đến bệnh viện và từ bệnh viện về nhà 500.000^d/1 lượt x 2 = 1.000.000^d (Một triệu đồng).

Chi phí thu nhập thực tế bị mất của ông T và 01 người chăm sóc ông T (là bà Lê Thị H vợ ông T) trong thời gian nằm viện là 12 ngày, ông T, bà H là lao động tự do, theo xác minh tại địa phương UBND xã PL xác nhận thu nhập của lao động tự do trên địa bàn là 200.000 đồng/1người/1ngày x 12 ngày = 2.400.000^dx2 = 4.800.000^d.

Chi phí bồi thường tổn thất về tinh thần mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá 50 lần mức lương cơ sở. Trường hợp 1 người thiệt hại đến 81% sức khỏe cũng tính tối đa không quá 50 lần mức lương cơ sở, ông T chỉ bị thiệt hại 8% sức khỏe, tức là chỉ bằng 1/10 mức tối đa của thiệt hại sức khỏe là 81% tương đương 5/50 tháng lương cơ sở so với mức tối đa phải bồi thường. Vì vậy cần chấp nhận theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân huyện NQ để tính mức bồi thường tổn thất tinh thần cho ông T bằng 5 tháng lương cơ sở (mức lương cơ sở hiện tại là 1.490.000đồng/tháng x 5 tháng = 7.450.000 đồng) để buộc các bị cáo phải bồi thường cho ông T. Tổng cộng các khoản phải bồi thường là 23.663.044^d. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ông T 20 triệu đồng (theo phần mỗi bị cáo 10 triệu đồng), các bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 3.663.044^d cho ông T (theo phần mỗi bị cáo 1.831.522^d).

Việc ông Trương Văn T khai nhận: Sau khi bị Tống Văn K dùng 01 đoạn gãy kim loại một đầu có gắn lưỡi dao mũi nhọn đâm bị thương, trong khi giằng co cả hai bị ngã xuống nền sảnh nhà ông T. Tống Văn Th đã xông đến sử dụng 01 con dao kim loại tự chế dài 85cm đập một nhát vào chân phải ông T. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Th không thừa nhận trực tiếp tham gia đánh ông T. Đồng thời các tài liệu được Cơ quan điều tra thu thập như bệnh án, kết luận giám định pháp y về thương tích xác định ông T không có thương tích ở chân. Do vậy không có căn cứ xác định việc ông T khai là Th có tham gia trực tiếp vụt đánh ông T.

Đối với anh Trương Anh T sử dụng tay đâm vào mặt gây thương tích cho Tống Văn K. Bị cáo K đã từ chối giám định thương tích và không đề nghị gì, nên anh Trương Anh T không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 đoạn gãy kim loại một đầu có gắn lưỡi dao tổng chiều dài 194 cm, 01 dao kim loại tự chế dạng dao quắm dài 85 cm cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo K là người cao tuổi được miễn án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo Tống Văn K và Tống Văn Th phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tống Văn K 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tổng Văn Th 6 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã PL, huyện NQ, tỉnh NB giám sát giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự. Áp dụng 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 590 và Điều 305, 468 Bộ luật dân sự, buộc 2 bị cáo phải bồi thường cho ông Trương Văn T và bà Lê Thị H tổng số tiền 23.663.044^d. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ông T 20.000.000^d (theo phần mỗi bị cáo 10 triệu đồng), các bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 3.663.044^d cho ông T (theo phần mỗi bị cáo 1.831.522^d). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại, nếu các bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải trả thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn gậy kim loại một đầu có gắn lưỡi dao mũi nhọn có tổng chiều dài là 194cm, trong đó phần lưỡi dao kim loại dài 19,5cm, 01 dao kim loại tự chế dạng dao quắm dài 85cm, trong đó phần lưỡi dao dài 25cm (Chi tiết theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT công an huyện NQ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện NQ).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Th phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) và 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí cho bị cáo K.

5. Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND tỉnh NB;*
- *VKSND huyện NQ;*
- *THADS huyện NQ;*
- *Công an huyện NQ;*
- *Những người TGTT;*
- *Lưu./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

HỨA CÔNG NGUYỄN